

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD1	7:25	17+4	0+0		16+6	0+0	chuyen 2 td3-td1
2		RP2+PVD1	7:25	7+14	0+0		6+16	0+0	
3		TD5+BK6	7:25	15+5	0+0		16+6	0+0	
4		PVD1+RC5	9:25	21+0	0+0		16+6	0+0	
5		BK5+BK8+RP1	9:25	9+6+0	0+0+0		5+6+11	0+0+0	
6		RP2+RCDM	9:25	16+4	0+0		15+7	0+0	
7		P10+BK6+P2	11:25	4+0+15	0+0+0		1+0+21	0+0+0	chuyen 1 bk6-p2
8		P2+P11+P9	11:25	10+0+5	0+0+0		10+2+10	0+0+0	chuyen 1 P11-p9
9		RP2+TD5	11:25	15+2	0+0		14+8	0+0	
10		BK5+BK8+CTC1	13:25	4+0+8	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
11		P1+P2	13:25	0+5	0+0		2+20	0+0	
12		RC3+TD3	13:25	6+0	0+0		8+14	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày CTC1 -1 ng, RP2-2ng, BK8-3ng, bk5-4ng. Rpl-6ng, 3 người Td2 về qua RP2; 6 người PVD1 về qua CTC1

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2023	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - TUYEN - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	94	1	10	70	120	KHOAN	Russian
2	GUSEINOV MAXIM	TD3	14-15	2	22		75	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN QUY	TD3	33	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
4	DOAN QUANG BAC	TD3	98	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG MINH TOAN	TD3	30	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
6	LAI THE DAT	TD3	89	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
7	DAO TIEN THIET	TD3	31	1	9		57	KHOAN	Vietnamese
8	LE ANH THOAI	TD3	32	1	11		98	KHOAN	Vietnamese
9	HO SI PHUNG	TD3	95	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THANG LOI	TD3	88	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
11	DOAN HIEU	TD3	93	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
12	VU THANH TUNG	TD3	13	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VAN CHUNG	TD3	92	1	15		80	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VIET DUNG	TD3	791	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
15	BAEV YURY	TD3	12	1	8		88	ANTOAN	Russian
16	NGUYEN HOANG LONG	TD3	96-97	2	28		72	DVL	Vietnamese
17	DO XUAN CHINH	TD3	90	1	5		71	PSV	Vietnamese
18	CHU DUC HUNG	TD1	79-80	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG TAN	TD1	77	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LE CONG MINH HIEU	TD1	78	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM TRUNG KIEN	TD1					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	19	167	1.288	70	16	2	CHUYEN 2 PAX TD3-TD1
2	TD1	4	4	35	306	0	6		
TOTAL		21	23	202	1.594	70	22		
WEIGHT KG				202	1.594	70			

GRAND TOAL: 1.866 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP2 - PVD1	CREW: LTuấn - VThắng - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

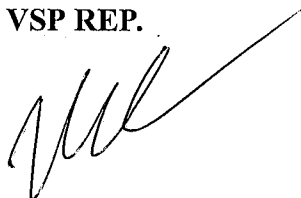
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHALIMOV A.A	RP2	28	1	12		91	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	32	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	31	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	29	1	6	3	75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	30	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THI THANH HUYEN	RP2					55	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC DUNG	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
8	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1	38	1	5	20	123	PVD DD	American
9	NGUYỄN QUỐC CÔNG	PVD1	35	1	12		63	PVDO	Vietnamese
10	PHAN NGỌC TỰ	PVD1	36	1	12	20	60	PVDO	Vietnamese
11	PHẠM THỂ LAM	PVD1	29	1	10		79	PVDO	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN BIÊN	PVD1	33	1	8		76	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN PHÚC	PVD1	31	1	7	20	74	PVDO	Vietnamese
14	PHAN ĐỨC THIÊN	PVD1	32	1	6		62	PVDO	Vietnamese
15	VŨ QUANG	PVD1	28	1	11		80	D-HANH	Vietnamese
16	BUI ANH TU	PVD1	37	1	13		68	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH KHOAN	PVD1	40	1	7		59	NIPI	Vietnamese
18	PHẠM QUYẾT THẮNG	PVD1	25-26	2	8		52	PVDO	Vietnamese
19	TÔ TRỊNH ĐỨC	PVD1	34	1	9		76	PVDO	Vietnamese
20	ĐINH QUANG TRƯỜNG	PVD1	27	1	4		57	PVDO	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH DUNG	PVD1	30	1	5		50	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

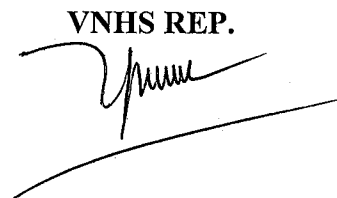
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	5	38	512	3	6		
2	PVD1	14	15	117	979	60	16		
TOTAL		21	20	155	1.491	63	22		
WEIGHT KG				155	1.491	63			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

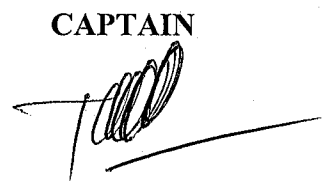
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2023	TO: TD5 - BK6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHOÀN - TDUNG	ETA: 09:20
VANG			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVYDOV DANIIL	TD5	01	1	7	60	68	KHOAN	Russian
2	VU TRONG HACH	TD5	75	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TAM	TD5	82	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN VINH	TD5	89	1	9		90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN BINH	TD5	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	TD5	80	1	11		64	KHOAN	Vietnamese
7	TRINH ANH TRUONG	TD5	78	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	HA QUOC DUNG	TD5	76	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VINH DUY	TD5	87	1	8		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	88	1	10		64	KHOAN	Vietnamese
11	PHUNG NGUYEN NGOC	TD5	83-84	2	9		88	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN THUONG VU	TD5	85-86	2	16		86	KHOAN	Vietnamese
13	NIKITIN NIKOLAI	TD5	74	1	12		94	ANTOAN	Russian
14	DO THANH HAI	TD5	77	1	8		65	DVL	Vietnamese
15	HO VAN ANH	TD5	81	1	5		74	PSV	Vietnamese
16	BAGRAMOV	BK6	09	1	11	35	102	KH-THAC	Russian
17	VU VAN HIEU	BK6	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VAN NAM	BK6	52-53	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
19	CHU QUYNH AN	BK6	51	1	6		100	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN PHE	BK6	50	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	17	123	1.104	60	16		
2	BK6	5	6	35	389	35	6		
TOTAL		20	23	158	1.493	95	22		
WEIGHT KG				158	1.493	95			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: PVD1 - RC5	CREW: HUNG - TUYEN - DTung	ETA: 11:20
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN HOP	PVD1	35	1	9		74	PVDO	Vietnamese
2	NGUYEN VAN THE	PVD1	31	1	6		62	PVDO	Vietnamese
3	NGUYEN BA TUAN	PVD1	97	1	4		63	PVDO	Vietnamese
4	TRIEU THANH DONG	PVD1	98	1	6		60	PVDO	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CHUONG	PVD1	29	1	4		84	PVDO	Vietnamese
6	TRAN DUY LINH	PVD1	30	1	9		75	PVDO	Vietnamese
7	BUI DANG CHAU KIEM	PVD1	43-44	2	11		81	VIVABLAS	Vietnamese
8	NGUYEN THANH DANH	PVD1	28	1	7		62	VIVABLAS	Vietnamese
9	TRAN NGUYEN DANG KHANH	PVD1	26-27	2	17		78	VIVABLAS	Vietnamese
10	NGUYEN TUAN ANH	PVD1	45-46	2	10		80	PVDWS	Vietnamese
11	NGUYEN VAN QUANG	PVD1	41-42	2	14		82	PVDWS	Vietnamese
12	DAO VAN TAM	PVD1	24	1	11		67	PVDWS	Vietnamese
13	Dinh Quang Huy	PVD1	49	1	14		59	PVDWS	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BIEN	PVD1	47-48	2	11		71	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TAT TAM	PVD1	33	1	3		55	PSV	Vietnamese
16	ĐANG DINH KHAI	PVD1	40	1	10		73	PSV	Vietnamese
17	MAI MINH TUAN	PVD1	34	1	7		67	PSV	Vietnamese
18	LÊ TAT VINH	PVD1	23	1	5		76	PSV	Vietnamese
19	VU HOANG	PVD1	36-37	2	10		68	PVD TRAI	Vietnamese
20	TRINH MANH LINH	PVD1	99,700	2	18	9	73	PVD INVE	Vietnamese
21	NGUYEN TAN THANH	PVD1	38-39	2	16		72	PVD INVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

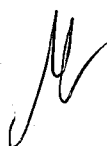
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	29	202	1.482	9	16		
2	RC5	0	0	0	0	5	6		
TOTAL		21	29	202	1.482	14	22		
WEIGHT KG				202	1.482	14			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2023	TO: BK5 - BK8 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: LTuấn - VThắng - NNam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG ANH TU	BK5					76	D-HANH	Vietnamese
2	LE TRI HAO	BK5	07	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	97-98	2	12	40	59	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN HAI	BK5	06	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG THANG	BK5					72	KH-THAC	Vietnamese
6	BAGRAMOVA EMMA	BK5					56	NIPI	Russian
7	NGUYEN TIEN THANG	BK5					63	NIPI	Vietnamese
8	PHAN XUAN HOA	BK5					74	PSV	Vietnamese
9	TRẦN VĂN DŨNG	BK5	99,96	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TAT HOA	BK8	34	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	37	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ĐUC HOANG HAI	BK8	38-39	2	6	40	84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HA	BK8	20	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH SƠN	BK8	36	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI ĐAC CANH	BK8	21	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THE TIEN	BK8	35	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM THI HUONG	BK8					66	NIPI	Vietnamese
18	KYREEV M.	BK8					85	NIPI	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	9	6	39	599	40	5		
2	BK8	9	8	39	646	40	6		
3	RP1	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		18	14	78	1.245	80	22		
WEIGHT KG				78	1.245	80			

GRAND TOAL: 1.403 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: RP2 - RCDM	CREW: ĐỨC - KHOÀN - TDUNG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	46	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BA DUY	RP2	44	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC CHINH	RP2	45	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	47	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	76	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2	41	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG NGOC LAN	RP2	48-49	2	13		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HUNG	RP2	35-36	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG QUẢNG	RP2	77	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO TRƯỜNG SƠN	RP2	78	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN TÂN TÀI	RP2	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HOÀNG HÙNG	RP2	42-43	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HỮU QUAN	RP2	38	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TUAN CUONG	RP2	37	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ HOANG CẨM	RP2	40	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ LAM	RP2	39	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC ĐẠI	RCDM	12-13	2	18		85	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC SƠN	RCDM	09-10	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ TRỌNG NHIÊN	RCDM	11	1	12		54	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN HIỆU	RCDM	14	1	10	35	76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

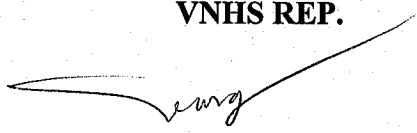
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	19	118	1.117	0	15		
2	RCDM	4	6	55	287	35	7		
TOTAL		20	25	173	1.404	35	22		
WEIGHT KG				173	1.404	35			

GRAND TOAL: 1.612 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 7	TO: P10 - BK6 - P2	CREW: Linh - Dương - QTrưởng	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	JOHNNY SUMANDA	P10	73-74	2	16	25	65	D-HANH	Filipino
2	NGUYEN QUANG VU	P10	76	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN NGOC LINH	P10	75	1	11		62	D-HANH	Vietnamese
4	GORKOV I.	P10	53	1	6		89	D-HANH	Russian
5	HOANG QUOC LONG	P2	02	1	5	50	55	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN SON TRUONG	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG DUC HIEU	P2	14	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM QUOC HIEN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
9	DOAN NGUYEN BAO CHAU	P2	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MINH DUC	P2	01	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE NGOC HAI	P2	07	1	15		95	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAC DUC HUY	P2	05	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN DONG	P2	04	1	3		84	KH-THAC	Vietnamese
14	LUU VAN TU	P2	03	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG SY NGOC	P2	08	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI THO DUNG	P2	12-13	2	11		61	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DINH NAM	P2	09	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN PHU HUU	P2	10	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEU	P2	11	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	5	38	286	25	1		CHUYEN 1 PAX BK6-P2
2	BK6	0	0	0	0	0	0		
3	P2	15	14	94	1.045	50	21		
TOTAL		19	19	132	1.331	75	22		
WEIGHT KG				132	1.331	75			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2023	TO: P2 - P11 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: CHIẾN - VLinH - THỤ	ETA: 13:45
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	K LING	P2	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO HUY HUNG	P2	31-32	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	33	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG THANH	P2	27	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN HUNG	P2	28	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	25	1	10	55	62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	30	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TẶNG MẠNH HÀ	P2	26	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	24	1	4		46	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ SINH TÂM	P2	23	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
11	HAMSIR BIN ASHARI	P9	18	1	7		52	D-HANH	Malaysian
12	MOHD FARUQI HAKIMI BIN MOHD N	P9	16	1	10	12	60	D-HANH	Malaysian
13	NGUYỄN VĂN KIẾT	P9	21-22	2	7		67	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUÂN	P9	19-20	2	6		63	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NHÂN	P9	26	1	5		76	D-HANH	Vietnamese
16	HOANG VAN HOA	P9	23-25	3	17		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	10	11	65	710	55	10		CHUYỂN 1 PAX P11-P9
2	P11	0	0	0	0	60	2 + 1		
3	P9	6	10	52	390	12	10		
TOTAL		16	21	117	1.100	127	22		
WEIGHT KG				117	1.100	127			

GRAND TOAL: 1.344 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/01/2023	TO: RP2 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - Toan	ETA: 13:50
NÂU - 3			

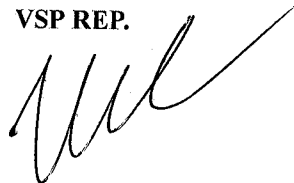
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN HAI	RP2	77	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VIET TRUONG	RP2	74-75	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG VINH	RP2	76	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NGON QUANG DUY	RP2	71	1	7		94	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	67-68	2	9		59	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG NGOC THANH	RP2	73	1	4		94	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC KHOI	RP2	69-70	2	20		67	KH-THAC	Vietnamese
8	VUONG KIEN QUOC	RP2	60	1	11		80	DVL	Vietnamese
9	ĐANG TRỌNG THỨC	RP2	59	1	12		71	DVL	Vietnamese
10	DƯƠNG BA VINH	RP2	61	1	15		87	DVL	Vietnamese
11	TRẦN ANH TUẤN	RP2	65	1	10		76	DVL	Vietnamese
12	USATENKO DMITRI	RP2	66	1	13		101	DVL	Russian
13	VU VAN TRUNG	RP2	62	1	17		76	DVL	Vietnamese
14	HOANG VAN LINH	RP2	63-64	2	10		60	YTE	Vietnamese
15	PHAM DUY CHUNG	RP2	72	1	8		68	DK9	Vietnamese
16	NGO VAN THANH	TD5	28-29	2	12		69	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN ĐANG NGOC	TD5	27	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	19	155	1.130	0	14		
2	TD5	2	3	15	144	0	8		
TOTAL		17	22	170	1.274	0	22		
WEIGHT KG				170	1.274	0			

GRAND TOAL: 1.444 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:10
FLIGHT: 10	TO: BK5 - BK8 - CTC1	CREW: Linh - Dương - QTrưởng	ETA: 15:50
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ THÊ ANH	BK5	99	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ CÔNG THỜI	BK5	12-13	2	13	20	60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU HẠNH	BK5	55	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ TUẤN ANH	BK5	10-11	2	25		75	XAYLAP	Vietnamese
5	AKOPOV D.	CTC1	67	1	5		82	KH-THAC	Russian
6	LÊ ANH VŨ	CTC1	04	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	70	1	7	20	83	KH-THAC	Vietnamese
8	TÀ VĂN VIỆT	CTC1	06	1	5	10	76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	68	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI SY HIẾU	CTC1	65	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG ANH HÙNG	CTC1	69	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO XUÂN THỌ	CTC1	66	1	6		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	6	60	261	20	4		
2	BK8	0	0	0	0	0	3		
3	CTC1	8	8	38	569	30	15		
TOTAL		12	14	98	830	50	22		
WEIGHT KG				98	830	50			

GRAND TOAL: 968 KGS + 10 kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2023	TO: P1 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:15
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: CHIẾN - VLinH - THỤ	ETA: 15:55
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC DU	P2	95	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VU NGOC DUNG	P2	97	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN THO	P2	95	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN PHUONG	P2	94	1	4		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	0	0	0	0	0	2		
2	P2	4	4	21	269	20	20		
TOTAL		4	4	21	269	20	22		
WEIGHT KG				21	269	20			

GRAND TOAL: 310 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/01/2023	TO: RC3 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:20
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hạnh - NPhú - Toan	ETA: 16:00
NAU-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU LÊ TRUNG	RC3	98,17	2	19		68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THẾ MẠNH	RC3	99	1	10	20	75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN HAI VIỆT	RC3	18-20	3	20		89	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG MINH KHANH	RC3	21	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ KHANH NAM	RC3	97	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NAM SƠN	RC3	35	1	5		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	6	9	64	449	20	8		
2	TD3	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		6	9	64	449	20	22		
WEIGHT KG				64	449	20			

GRAND TOAL: 533 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN